

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

**Hải Dương, 2016**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Ngôn ngữ Trung Quốc
Ngành	: Ngôn ngữ Trung Quốc (Chinese language)
Mã ngành	: 52220204
Trình độ	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số 452/QĐ-ĐHSD, ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1 Kiến thức

##### 1.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối Cách mạng Việt Nam; những kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên. Từ đó sinh viên vận dụng được vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn và tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

##### 1.1.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về các bình diện ngôn ngữ Trung Quốc (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), văn hoá văn minh và văn học Trung Quốc... những kiến thức về kỹ thuật phiên dịch và biên dịch tiếng Trung.

##### 1.1.3 Kiến thức bổ trợ

- Đạt trình độ ngoại ngữ, tin học theo chuẩn đầu ra (Tiếng Anh tương đương chuẩn TOEIC, Tin học tương đương chuẩn IC3).

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng mềm (kỹ năng quản lý bản thân; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tổ chức sự kiện,...).

#### 1.2 Kỹ năng

##### 1.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp

Trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp tiếng Trung, kỹ năng biên dịch, phiên dịch đảm bảo cho sinh viên thực hiện tốt công tác phiên dịch, biên dịch cho các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, văn phòng giao dịch của các đơn vị kinh doanh, các phòng ban của các cơ quan và trong các lĩnh vực có liên quan đến tiếng Trung

##### 1.2.2 Kỹ năng khác có liên quan

Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học hoặc văn hoá-văn minh của đất nước Trung Quốc.

Có khả năng làm việc độc lập, thích ứng với công việc trong thời kỳ hội nhập

### 1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người công dân Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật;

Tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học kỷ luật, có hiệu quả và thích ứng nhanh với môi trường làm việc đa văn hóa;

Có tinh thần trách nhiệm cao, cầu thị và hợp tác với đồng nghiệp trong công việc.

### 1.4 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên làm việc tại các văn phòng, doanh nghiệp, công ty liên doanh, các khách sạn, tại các vị trí: phiên dịch, biên dịch, lễ tân, nhân viên văn phòng.

### 2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

### 3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 168 Tín chỉ

### 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp PTTH hoặc tương đương

### 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-GDDT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Sao Đỏ năm 2016.

### 6. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

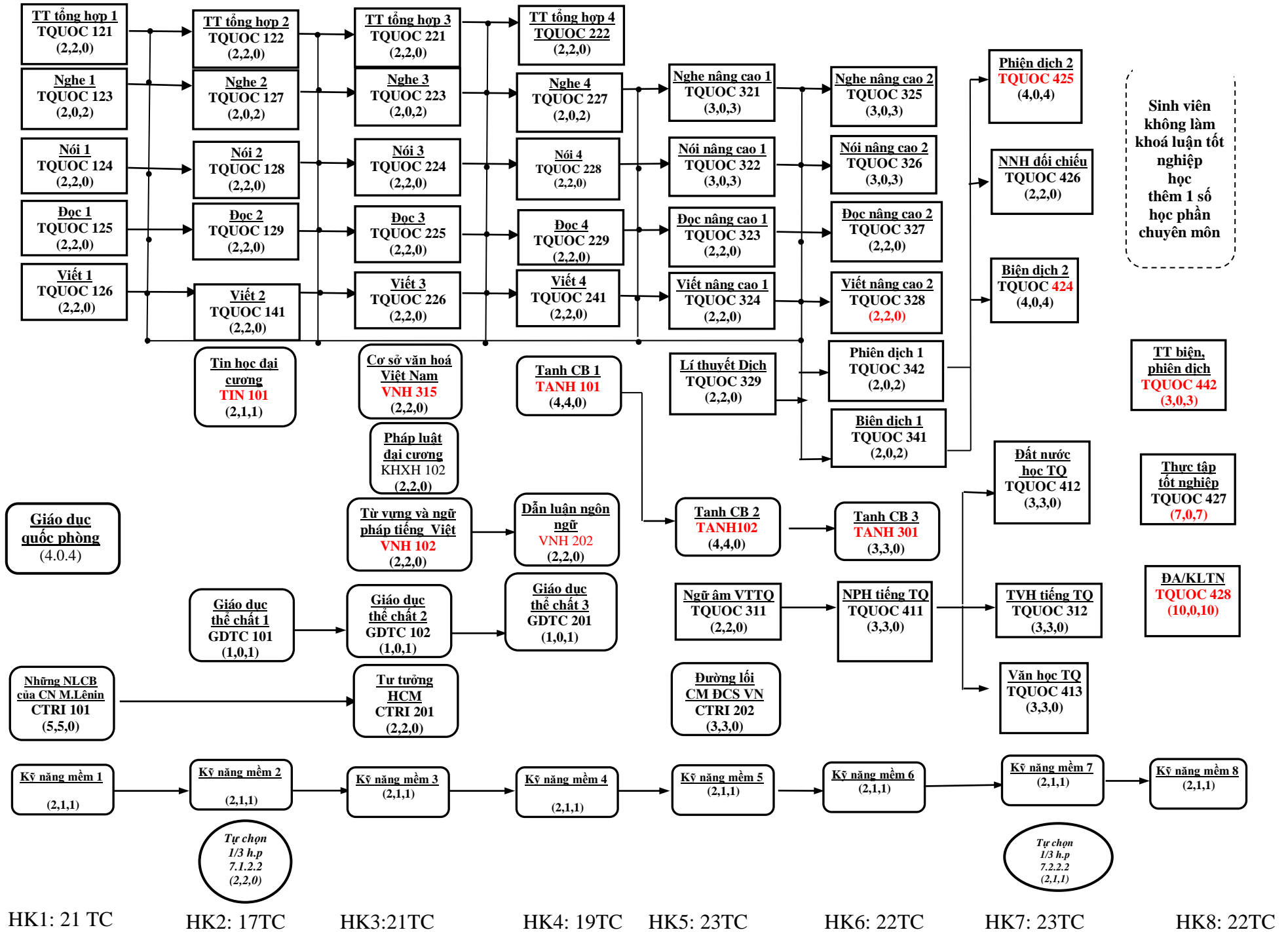
### 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>7.1</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>56</b>	<b>40</b>	<b>16</b>
<b>7.1.1</b>		<b>Lý luận Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
1	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin	5	5	0
2	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3	CTRI 202	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0
<b>7.1.2</b>		<b>Khoa học xã hội – Nhân văn</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
7.1.2.1		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
4	VNH 202	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	0
5	VNH 102	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	2	2	0
6	VNH 315	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
7	KHXH 102	Pháp luật đại cương	2	2	0
7.1.2.2		<b>PHẦN TỰ CHỌN (Chọn 1 trong 5 học phần sau)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
8	KHXH 105	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0
9	VNH 105	Nghiệp vụ văn phòng	2	2	0
10	VNH 106	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	2	2	0
11	KHXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
<b>7.1.3</b>		<b>Ngoại ngữ</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
12	TANH 101	Tiếng Anh cơ bản 1	4	4	0
13	TANH 102	Tiếng Anh cơ bản 2	4	4	0
14	TANH 301	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3	0
<b>7.1.4</b>		<b>Toán học – Tin học – Khoa học tự nhiên- Công nghệ - Môi trường</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
15	TIN 101	Tin học đại cương	2	1	1
<b>7.1.5</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
16	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
17	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
18	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
<b>7.1.6</b>		<b>Giáo dục quốc phòng</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
<b>7.1.7</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>16</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
<b>7.2</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>112</b>	<b>60</b>	<b>52</b>
<b>7.2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	<b>0</b>
19	TQUOC 311	Ngữ âm và văn tự Tiếng Trung Quốc	2	2	0
20	TQUOC 312	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	3	3	0
21	TQUOC 411	Ngữ pháp học Tiếng Trung Quốc	3	3	0
22	TQUOC 412	Đất nước học Trung Quốc	3	3	0
23	TQUOC 413	Văn học Trung Quốc	3	3	0
<b>7.2.2</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>78</b>	<b>46</b>	<b>32</b>
7.2.2.1		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>76</b>	<b>44</b>	<b>32</b>
24	TQUOC 121	Tiếng Trung tổng hợp 1	2	2	0
25	TQUOC 122	Tiếng Trung tổng hợp 2	2	2	0
26	TQUOC 221	Tiếng Trung tổng hợp 3	2	2	0
27	TQUOC 222	Tiếng Trung tổng hợp 4	2	2	0
28	TQUOC 123	Nghe 1	2	0	2
29	TQUOC 124	Nói 1	2	2	0
30	TQUOC 125	Đọc 1	2	2	0
31	TQUOC 126	Viết 1	2	2	0
32	TQUOC 127	Nghe 2	2	0	2
33	TQUOC 128	Nói 2	2	2	0
34	TQUOC 129	Đọc 2	2	2	0
35	TQUOC 141	Viết 2	2	2	0
36	TQUOC 223	Nghe 3	2	0	2
37	TQUOC 224	Nói 3	2	2	0
38	TQUOC 225	Đọc 3	2	2	0
39	TQUOC 226	Viết 3	2	2	0
40	TQUOC 227	Nghe 4	2	0	2
41	TQUOC 228	Nói 4	2	2	0
42	TQUOC 229	Đọc 4	2	2	0
43	TQUOC 241	Viết 4	2	2	0
44	TQUOC 321	Nghe nâng cao 1	3	0	3
45	TQUOC 322	Nói nâng cao 1	3	0	3
46	TQUOC 323	Đọc nâng cao 1	2	2	0
47	TQUOC 324	Viết nâng cao 1	2	2	0
48	TQUOC 325	Nghe nâng cao 2	3	0	3
49	TQUOC 326	Nói nâng cao 2	3	0	3
50	TQUOC 327	Đọc nâng cao 2	2	2	0
51	TQUOC 328	Viết nâng cao 2	2	2	0
52	TQUOC 329	Lý thuyết dịch	2	2	0
53	TQUOC 341	Biên dịch 1	2	0	2
54	TQUOC 424	Biên dịch 2	4	0	4
55	TQUOC 342	Phiên dịch 1	2	0	2
56	TQUOC 425	Phiên dịch 2	4	0	4
57	TQUOC 426	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
7.2.2.2		<i>PHẦN TỰ CHỌN (Chọn 1 trong 3 học phần sau)</i>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>
58	TQUOC 421	<i>Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc</i>	2	2	0
59	TQUOC 422	<i>Tiếng Hán cổ đại</i>	2	2	0
60	TQUOC 423	<i>Tiếng Hán thương mại</i>	2	2	0
<b>7.2.3</b>		<b>Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/khóa luận</b>	<b>20</b>		
61	TQUOC442	Thực tập biên, phiên dịch	3	0	3
62	TQUOC 427	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
63	TQUOC 428	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ( <i>hoặc học thêm một số học phần chuyên môn</i> )	10	0	10
64	TQUOC 429	Tiếng Trung khách sạn nhà hàng	2	2	0
65	TQUOC 441	Tiếng Trung du lịch	5	5	0
66	VNH 444	Nghiệp vụ Hướng dẫn DL	3	3	0
		<b>Tổng toàn khóa (Tín chỉ)</b>	<b>168</b>		

## 8. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐẠI HỌC - Chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc



## **9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **9.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Quá trình đào tạo nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để tăng cường khả năng giao tiếp cho sinh viên.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số doanh nghiệp phù hợp với ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

### **9.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần**

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 45 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm; từ 60 phút đến 90 phút đối với thi tự luận; từ 90 phút đến 120 phút đối với thi thực hành; được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong đề cương chi tiết.

### **9.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp**

- Sinh viên phải học hết chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo đại học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm đề án tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế đề án tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

### **9.4. Các chú ý khác**

- Trên cơ sở số học phần trong chương trình giáo dục đại học, xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục đại học.

- Khi thực hiện các bài giảng cần phải tuân thủ hình thức giảng dạy theo nội dung trong chương trình đào tạo đại học./.



TS. Đinh Văn Nhung